

CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ & TRUYỀN THÔNG BRANDING360

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ & TRUYỀN THÔNG BRANDING360

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BRANDING360 MEDIA & DESIGN COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: BRANDING360 CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108778483

3. Ngày thành lập: 10/06/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 18, đường Đèn Vẽ, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (trừ hoạt động của các nhà báo độc lập)	9000
2.	Hoạt động của các vườn bách thảo, bách thú và khu bảo tồn tự nhiên	9103
3.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
4.	Hoạt động thể thao khác	9319
5.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
6.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
7.	Đào tạo sơ cấp	8531
8.	Đào tạo trung cấp	8532
9.	Đào tạo cao đẳng	8533
10.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
11.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552

12.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Dạy lái xe cho những người không hành nghề lái xe; - Dạy bay; - Đào tạo tự vệ; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	8559
13.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Tư vấn du học Tổ chức dịch vụ tư vấn du học	8560
14.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
15.	Hoạt động tư vấn quản lý (Trừ hoạt động tư vấn kế toán, pháp luật, tài chính)	7020
16.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
17.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
18.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
19.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
20.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
21.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
22.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn	7222
23.	Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá)	7310(Chính)
24.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
25.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
26.	Hoạt động nhiếp ảnh (trừ hoạt động của phóng viên ảnh)	7420

27.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động Thanh toán hối phiếu và thông tin tỷ lệ lượng, Tư vấn chứng khoán)	7490
28.	Xuất bản phần mềm (trừ xuất bản phẩm)	5820
29.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Hoạt động sản xuất phim điện ảnh	5911
30.	Hoạt động hậu kỳ	5912
31.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Trừ hoạt động báo chí, hoạt động phát hành chương trình truyền hình)	5913
32.	Hoạt động chiếu phim	5914
33.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc (Trừ xuất bản âm nhạc)	5920
34.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Hoạt động của các điểm truy cập internet - Đại lý dịch vụ viễn thông	6190
35.	Lập trình máy vi tính	6201
36.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
37.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
38.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
39.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
40.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;	6399
41.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4511
42.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (trừ hoạt động đấu giá xe)	4512
43.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá xe)	4513
44.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
45.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4530

46.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá xe)	4541
47.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
48.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4543
49.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động môi giới bảo hiểm, chứng khoán; trừ hoạt động đấu giá)	4610
50.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại Nhà nước cấm)	4620
51.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
52.	Bán buôn thực phẩm	4632
53.	Bán buôn đồ uống	4633
54.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
55.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
56.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
57.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
58.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
59.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
60.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
61.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
62.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng miếng)	4662
63.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
64.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
65.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại Nhà nước cấm)	4690
66.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
67.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
68.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
69.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
70.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
71.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
72.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
73.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
74.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742

75.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
76.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
77.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
78.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
79.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
80.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
81.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
82.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
83.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
84.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
85.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ vàng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao, tem và tiền kim khí)	4773
86.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đấu giá)	4774
87.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá) Chi tiết: - Bán lẻ các loại hàng hóa bằng thư đặt hàng; - Bán lẻ các loại hàng hóa qua internet.	4791
88.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động đấu giá)	4799
89.	In ấn	1811
90.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
91.	Sao chép bản ghi các loại	1820
92.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm vật chất tự tiêu dùng của hộ gia đình	9810
93.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	9820
94.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030

6. Vốn điều lệ: 500.000.000 VNĐ

Giới tính: *Nam*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: 121839874

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Lãng Sơn, Xã Đông Hưng, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Lãng Sơn, Xã Đông Hưng, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 16/07/1990 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Số giấy chứng thực cá nhân: 121839874

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Lãng Sơn, Xã Đông Hưng, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Lãng Sơn, Xã Đông Hưng, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội